

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

LƯƠNG TUYẾT MAI

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG VÙNG GIẢI PHÓNG
Ở NAM BỘ THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1960 - 1975)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS. TS. VÕ VĂN SEN

Lâm Đồng, 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG VÙNG GIẢI PHÓNG
Ở NAM BỘ THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1960 - 1975)

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Mã số: 9229013

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. Võ Văn Sen

Nghiên cứu sinh: Lương Tuyết Mai

Lâm Đồng, 2025

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Đà Lạt
Người hướng dẫn khoa học: GS. VÕ VĂN SEN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án
Tiến sĩ họp tại Trường Đại học Đà Lạt
Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:
- Trung tâm thông tin - thư viện Đại học Đà Lạt
- Website <http://www.dlu.edu.vn>

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Từ 1960, sau phong trào Đồng Khởi, vùng giải phóng mở rộng nhiều tại Nam Bộ. Trong điều kiện chiến tranh, nhân dân Nam Bộ vẫn kiên trì đấu tranh mở rộng và xây dựng kinh tế trong vùng giải phóng tiến lên từng bước vững chắc, đảm bảo cho cuộc chiến tranh nhân dân chống đế quốc Mỹ xâm lược đạt nhiều thắng lợi. Tại vùng giải phóng Nam Bộ điều kiện tự nhiên có nhiều thuận lợi so với các vùng giải phóng khác tại miền Nam, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, phương hướng sản xuất được đặt ra: hướng dẫn tổ chức và giúp đỡ nông dân vùng cách mạng quản lý luân tăng gia sản xuất bằng cách tăng năng suất, đa canh, tiết kiệm để cải thiện đời sống và cung cấp cho nhu cầu cách mạng. Kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ nhận chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc và quốc tế về nhân lực và vật lực, ngoài ra còn chủ trương, lấy kinh tế địch để đánh địch, vận động nhân dân các vùng tạm bị chiếm ủng hộ quân giải phóng, tiếp tế cho các căn cứ kháng chiến. Nhìn chung, tại các căn cứ, vùng giải phóng Nam Bộ đã xây dựng được kinh tế hậu phương tại chỗ vững mạnh, có năng lực tiếp nhận sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc, bảo đảm ngày càng đầy đủ hậu cần cho quân giải phóng hoàn thành nhiệm vụ trên chiến trường, để lại nhiều bài học về việc xây dựng và phát triển kinh tế trong điều kiện chiến tranh. Vùng giải phóng tồn tại từ 1960 cho đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam 30/4/1975, vùng giải phóng với vai trò quan trọng được Đảng ta nhận định rõ vùng giải phóng là nơi hoạt động sản xuất kinh tế góp phần phát triển công tác hậu phương tại chỗ cho cách mạng miền Nam chống Mỹ đến toàn thắng.

Nam Bộ là chiến trường có vị trí chiến lược quan trọng. Dưới sự chỉ đạo của Mặt trận giải phóng miền Nam việc chăm lo sản xuất hoạt động kinh tế hậu phương trong vùng giải phóng của khu vực Nam Bộ phát triển trên các lĩnh vực, như việc trao đổi mua bán với chính quyền Việt Nam Cộng Hoà; tổ chức mua bán, lưu thông hàng hoá góp phần đảm bảo cho của kháng chiến chống Mỹ của ta và đảm bảo được đời sống nhân dân, đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn thu như thu quyền góp, thu đảm phụ các hoạt động nông, công, thương nghiệp, đảm phụ xuất nhập thị, các loại đảm phụ khác, nhận chi viện của miền Bắc và hậu phương Quốc tế... để phục vụ cho cuộc kháng chiến, hoàn thành tốt nghĩa vụ là hậu phương tại chỗ. Với vị trí địa lý và kinh tế như vậy, Nam Bộ là địa bàn chiến lược có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Với mục đích tái hiện bức tranh toàn cảnh quá trình chuyển biến kinh tế trong vùng giải phóng ở Nam Bộ Việt Nam, trên cơ sở kế thừa những công trình đi trước, luận án thu thập và tổng hợp từ các nguồn tư liệu có sẵn như các nguồn tài liệu, tạp chí, các số liệu lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ quốc gia để hoàn thành luận án

Từ tình hình thực tiễn và lý luận nói trên, chúng tôi chọn đề tài “Hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng ở Nam Bộ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1960 - 1975)” làm đề tài luận án nghiên cứu sinh thuộc chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Mã số: 9229013, làm rõ hơn giá trị, đặc điểm, vai trò hoạt động kinh tế và vai trò hậu phương tại chỗ của quân dân vùng giải phóng. Trên tinh thần khoa học khách quan, đề tri ân sự hy sinh, cống hiến của nhân dân, chiến sĩ Nam Bộ nói riêng và đồng bào chiến sĩ cả nước nói chung.

Dù đã rất cố gắng tiếp cận vấn đề một cách khách quan, khoa học, tôn trọng sự thật, nhưng nội

dung hoạt động kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ tại Việt Nam trong thời gian 1960 - 1975 có nhiều phức tạp, nguồn tài liệu chưa đầy đủ về vùng giải phóng Nam Bộ. Nên trong đề tài luận án viết còn rất nhiều hạn chế.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục tiêu nghiên cứu

Luận án nghiên cứu quá trình hình thành vùng giải phóng, quá trình xây dựng căn cứ tại vùng giải phóng, về các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại, các nguồn viện trợ cho vùng giải phóng..., nghiên cứu tìm hiểu về các nguồn thu kinh tế cho vùng giải phóng, ổn định đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, làm nghĩa vụ hậu phương cung cấp người, lương thực thực phẩm cho tiền tuyến.

Làm rõ tầm vóc lịch sử, giá trị thực tiễn và những bài học kinh nghiệm từ hoạt động kinh tế, làm nghĩa vụ hậu phương tại chỗ của quân dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến Mỹ cứu nước.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án đi vào nghiên cứu mô tả nội dung các hoạt động kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ, phân tích, liệt kê mô tả các bối cảnh chính trị tác động và các hoạt động kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và các hoạt động kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trong vùng giải phóng Nam Bộ.

Luận án phân tích và khái quát, tổng hợp quá trình hình thành các căn cứ địa cách mạng, nghiên cứu ý nghĩa vai trò, bài học kinh nghiệm về việc xây dựng hậu phương vùng giải phóng, góp phần thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từ năm 1960 - 1975.

Luận án đã so sánh sự khác biệt giữa kinh tế hai vùng chính trị tại miền Nam Việt Nam (vùng giải phóng và vùng do chính quyền Việt Nam cộng hòa kiểm soát), so sánh rút ra sự khác biệt của vùng giải phóng Nam Bộ trong chống Mỹ 1960 - 1975 với vùng giải phóng trong thời kỳ chống Pháp 1946 - 1954 từ đó cho thấy điểm khác biệt trong trao đổi hàng hóa và sản xuất kinh tế, vùng giải phóng Nam Bộ và mang đặc trưng riêng.

Từ quá trình nghiên cứu dựng lại bức tranh hoạt động kinh tế, trong vùng giải phóng một cách toàn diện góp một phần phục vụ cho nghiên cứu, làm tư liệu cho dạy và học của học sinh, sinh viên, phục vụ cho các công trình nghiên cứu sau này.

Đề xuất các giải pháp về việc giữ gìn tôn tạo các khu di tích lịch sử, liên quan đến các hoạt động kinh tế, các công trình liên quan đến cây cao su loại cây trồng đặc biệt có liên quan đến sự phát triển và lớn mạnh của phong trào công nhân và gắn với lịch sử đấu tranh chống Pháp, chống Mỹ. Các khu di tích lịch sử tại các địa phương cần được chăm lo và tôn tạo, bảo vệ hơn nữa để phát huy cho ngành du lịch sinh thái địa phương, du lịch theo địa chỉ đỏ để người dân và các tổ chức ban ngành, học sinh, sinh viên có cơ hội tham quan học tập, đi thực tế và tri ân các anh hùng đã hy sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng ở Nam Bộ giai đoạn 1960 - 1975

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về không gian:

Tập trung nghiên cứu về kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ trong giai đoạn 1960 - 1975, phạm vi là các tỉnh Nam Bộ. Năm 1946 đối với Chính quyền Việt Minh chia Nam Bộ gồm: 21 tỉnh thành trong tổng số 72 tỉnh thành của cả nước, (gồm 20 tỉnh: Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Gò Công, Rạch Giá, Bạc Liêu và thành phố Sài Gòn). Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, Ngày 12/10/1951, (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) chia Liên khu Nam Bộ thành 2 phân liên khu: gồm 11 tỉnh.

Phân liên khu Miền Đông: gồm 5 tỉnh: Gia Định Ninh (Gia Định + Tây Ninh), Thủ Biên (Thủ Dầu Một + Biên Hòa), Bà Rịa - Chợ Lớn, Mỹ Tho và Long Châu Sa.

Phân liên khu Miền Tây: gồm 6 tỉnh: Bến Tre, Vĩnh Trà (Vĩnh Long + Trà Vinh), Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Long Châu Hà.

Giai đoạn 1954 - 1975: thời kỳ chính quyền Việt Nam Cộng Hòa kiểm soát miền Nam Việt Nam. Theo Sắc lệnh 143 - NV ngày 22 tháng 10 năm 1956 dưới nền Đệ Nhất Cộng hòa Việt Nam thì Nam phần Nam Bộ gồm 22 tỉnh và Đô thành Sài Gòn.

Như vậy năm 1962, Nam Bộ có 24 tỉnh rồi tăng lên thành 27 tỉnh vào thời kỳ 1966 - 1975:

Phạm vi nghiên cứu về thời gian:

Đề tài nghiên cứu về giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1975: Trong thời gian đế quốc Mỹ lập chính quyền tay sai, thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược tại Miền Nam Việt Nam. Giai đoạn 1960 - 1975 nhân dân cả nước tập trung đánh giặc Mỹ giữ nước, miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến trực tiếp đánh giặc. Sự nghiệp đấu tranh của nhân dân miền Nam ngày càng phát triển, vùng giải phóng ngày càng mở rộng cho đến năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam. Thời gian này vùng giải phóng chia làm 2 giai đoạn thay đổi, giai đoạn 1960 - 1968 hình thành phát triển mở rộng. Giai đoạn 1969 - 1975 vùng giải phóng co hẹp lại đan xen vùng tranh chấp và thế đa báo sau chiến dịch tết Mậu thân 1968, nhưng đến giai đoạn những năm 1973 đến 1975 ta giữ vững các vùng giải phóng và làm chủ hoàn toàn miền Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin, bao gồm chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Đề tài luận án thuộc chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, nên phương pháp lịch sử trở thành phương pháp chủ đạo của luận án khi tiếp cận và xử lý vấn đề.

Phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Phương pháp điền dã

Đề tài sử dụng phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích các tài liệu liên quan, để làm rõ quá trình chuyển biến kinh tế vùng giải phóng qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau. Nội dung luận án là kết quả của quá trình xử lý các nguồn tài liệu sơ cấp, thứ cấp và tài liệu điền dã, để đưa ra cái nhìn toàn diện về bức tranh vùng giải phóng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn 1960 - 1975.

Phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu, Phương pháp phỏng vấn: công trình sử dụng bảng hỏi

bám cấu trúc nhằm thu thập, đối chiếu thông tin với cơ cấu chọn mẫu phỏng vấn như sau:

5. Nguồn tài liệu sử dụng trong Luận án

Nguồn tài liệu sơ cấp: Gồm các văn kiện, quyết định, chỉ thị các báo cáo về chính sách kinh tế, về vùng giải phóng, về các Căn cứ địa của Mặt trận giải phóng miền Nam, Trung ương cục miền Nam, Ban Kinh - Tài... Những nguồn tài liệu này cung cấp các thông tin và số liệu thống kê liên quan đến các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội toàn miền Nam giai đoạn chống Mỹ cứu nước (1960 - 1975).

Nguồn tài liệu thứ cấp: Gồm các bài báo khoa học, công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề hoạt động kinh tế, chính trị tại vùng giải phóng Nam Bộ của các học giả trong và ngoài nước; Các công trình khoa học cấp nhà nước, cấp Bộ, luận án tiến sĩ, các luận văn, các báo cáo trong hội thảo khoa học, các website có liên quan đến công trình. Đây là nguồn tài liệu quan trọng giúp chúng tôi có cái nhìn tổng quan về đối tượng nghiên cứu.

Nguồn tài liệu điền dã: Là các tài liệu, hình ảnh được thu thập từ những chuyến khảo sát trong nhiều năm tại các địa bàn, các căn cứ địa cách mạng, các khu di tích lịch sử ở các tỉnh Nam Bộ. Đây là nguồn tài liệu quan trọng, vừa bổ sung, vừa kiểm chứng các nguồn tài liệu đã kể ở trên, giúp chúng tôi phục dựng lại một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về các hoạt động kinh tế văn hóa, xã hội, hậu phương vùng giải phóng Nam Bộ trong giai đoạn 1960 - 1975.

6. Đóng góp của Luận án

6.1 Đóng góp về mặt khoa học

Hệ thống hóa tư liệu liên quan đến đề tài, luận án đã làm rõ thêm hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng trong điều kiện chiến tranh ác liệt.

Luận án nêu lên các đặc điểm, những vai trò, đóng góp của hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng, từ đó rút ra các bài học về chỉ đạo, tổ chức hoạt động kinh tế trong điều kiện chiến tranh, có thể tham khảo cho sau này.

6.2 Đóng góp về mặt thực tiễn

Luận án là nguồn tư liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy lịch sử, tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ đề cao tinh thần dân tộc và tinh thần yêu nước cho nhân dân.

Giúp các nhà quản lý di tích lịch sử địa phương chú trọng hơn nữa, công tác bảo tồn tôn tạo các giá trị lịch sử, các di tích chiến khu và căn cứ địa cách mạng, làm nguồn du lịch theo địa chỉ đỏ cho nhân dân địa phương, cho nhân dân trong nước và quốc tế.

7. Bố cục Luận án

Ngoài mở đầu (8 trang) và kết luận (4 trang), luận án kết cấu bốn chương:

Chương I: Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài

Chương II: Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ giai đoạn 1960 - 1968

Chương III: Đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ trong giai đoạn 1969 - 1975

Chương IV: Đặc điểm, vai trò, bài học kinh nghiệm của hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng Nam Bộ (1960 -1975)

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Một số khái niệm học thuật

Vùng giải phóng, Hậu phương, Hậu phương tại chỗ, Hậu phương quốc tế, Hậu phương miền Bắc, Vùng tranh chấp, Vùng trà trộn, Vùng địch tạm chiếm, Căn cứ địa cách mạng, Căn cứ du kích, Căn cứ lồm hay vùng lồm

1.2. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về kinh tế miền Nam trong giai đoạn chiến tranh 1960 - 1975

Giai đoạn 1960 - 1975 có nhiều công trình nghiên cứu, đặc biệt các công trình liên quan đến quân sự, đây là chủ đề kháng chiến chống Mỹ được viết nhiều tác phẩm lớn. Các công trình này góp phần quan trọng, cho công tác tổng kết, phục vụ sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Tuy nhiên một số nội dung khác của lịch sử kinh tế, văn hóa, xã hội và nhất là các kết quả hoạt động kinh tế. Trong vùng giải phóng và công tác xây dựng hậu phương vùng giải phóng. Chưa có nhiều công trình nghiên cứu và nhiều tác phẩm. Chỉ có một số tài liệu và tác phẩm liên quan sau đây nghiên cứu đến các hoạt động vùng giải phóng Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1960 - 1975).

Rất nhiều những tác phẩm những nghiên cứu viết về đề tài quân sự, của cuộc chiến tranh chống Mỹ, về hậu phương lớn miền Bắc. Trong tác phẩm “Trong vùng giải phóng miền Nam” của tác giả Nguyễn Xu và Lê Phước Hà đã trình bày một số vấn đề về xây dựng, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng, nhưng số liệu hóa cụ thể cũng chưa đủ. Một số các luận án tiến sĩ giai đoạn này trình bày sơ lược tình hình đời sống văn hóa xã hội của Nam Bộ.

Công trình của tác giả Lê Khoa nêu tổng quan về toàn kinh tế miền Nam, các số liệu đc xem tham khảo tốt khi làm luận án của NCS. Đó là cuốn “*Tình hình kinh tế Miền Nam 1955 - 1975 qua các chỉ tiêu thống kê, Ban Kinh tế học*” giúp NCS hình dung kinh tế chung toàn miền Nam đạt được thành tựu về kinh tế thời gian này, tuy nhiên công trình chỉ giới hạn ở hệ thống hóa các số liệu kinh tế của chính phủ VNCH. Nên tập trung nói về số liệu chi viện của Mỹ và thành tựu kinh tế của VNCH chứ không đề cập đến vùng giải phóng miền Nam.

Tác phẩm nổi bật “*Kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955 - 1975*” của tác giả Đặng Phong. Trong cuốn sách này đã trình bày toàn cảnh về cục diện kinh tế, hoạt động kinh tế của cả hai bên. Từ trang 423 đến trang 637 để trình bày về kinh tế và đời sống vùng giải phóng miền Nam, tác giả đã nghiên cứu khá chi tiết về đời sống kinh tế, văn hóa xã hội của quân dân vùng giải phóng, bên cạnh đó còn đi sâu nghiên cứu các lý luận khái niệm về vùng giải phóng, vai trò của hậu phương trong chiến tranh... Có thể nói đây là cuốn sách phục vụ nghiên cứu, có giá trị khoa học về các đề tài liên quan đến vùng giải phóng Nam Bộ.

Tác phẩm “*Lịch sử ban Kinh tế - Tài chính Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*” của tác giả Phan An chủ biên đã đề cập đến quá trình hình thành và hoạt động

của ban Kinh - Tài, nêu vai trò to lớn của ban Kinh - Tài với cách mạng miền Nam giai đoạn 1954 - 1975. Đến năm 2007 thì tài liệu chính thức được công bố bởi Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến Nxb Chính trị quốc gia. Đây là nguồn tư liệu rất đầy đủ về quá trình hình thành, hoạt động của Ban Kinh tế - Tài chính Trung ương Cục miền Nam giúp NCS hệ thống được các hoạt động kinh tế Nam Bộ theo chiều dọc lịch sử và tham khảo các số liệu cụ thể cho luận án.

Tác phẩm “*Kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp*”, NXB Hà Nội 1995 do GS.TS Lâm Quang Huyền viết có đề cập đến vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp trong và sau chiến tranh chống Mỹ. Đặc biệt tác phẩm; Cách Mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam NXB Hà Nội tái bản năm 1997 cũng do Lâm Quang Huyền nghiên cứu trong cuốn này từ trang 19 đến 164 đều đề cập đến quá trình đấu tranh thay đổi ruộng đất và kết quả đấu tranh của nông dân miền Nam với chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ. Số liệu trong sách giúp NCS tham khảo phục vụ cho luận án.

Trong tác phẩm “*Sự phát triển của CNTB ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975)*” và tác phẩm “*Vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông cửu Long của Việt Nam*” của GS.TS Võ Văn Sen viết. Cũng đề cập rất rõ về tình hình chuyển biến kinh tế trên mọi lĩnh vực, cũng như cung cấp số liệu sản xuất kinh tế và các chủ trương chính sách, về ruộng đất của khu vực miền Tây Nam Bộ và toàn miền Nam, trong giai đoạn 1960 - 1975. Số liệu trong sách giúp NCS tham khảo phục vụ cho luận án của NCS rất sát thực về số liệu và các hoạt động kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và thương mại miền Nam.

Như vậy để viết về kinh tế vùng giải phóng Miền Nam, chủ yếu có một số tác phẩm và công trình tiêu biểu và một số, số liệu thống kê của Ban Kinh - Tài tại Trung ương Cục miền Nam viết về các hoạt động về sản xuất kinh tế và công tác xây dựng hậu phương tại chỗ, Mặc dù còn hạn chế nhưng đây chính là những tài liệu có giá trị, giúp NCS trong việc nghiên cứu và hệ thống lại sự chuyển biến kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ. Trong luận án của mình, tác giả kế thừa một số nội dung nhằm phục dựng lại bức tranh tương đối toàn diện, khách quan về đặc trưng kinh tế và đời sống của quân dân, vùng giải phóng tại Nam Bộ giai đoạn 1960 - 1975.

1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu kinh tế Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1975

Tác phẩm “*Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1954 - 1975*” tập 1 và 2 do Nxb quân đội nhân dân xuất bản tại Hà Nội năm 1990 của Phòng khoa học Lịch sử quân khu VII viết đã bao quát lại toàn bộ quá trình kháng chiến và cả việc xây dựng hậu phương và các hoạt động sản xuất của quân dân Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Khi nghiên cứu về kinh tế vùng giải phóng phải kể đến tác giả Lâm Quang Huyền ông nghiên cứu và viết rất đầy đủ về sự biến đổi của ruộng đất và các vấn đề nông nghiệp khác, tác phẩm “*Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*”, cũng là nguồn tài liệu tốt cho quá trình, tìm hiểu về kinh tế vùng giải phóng, để thấy được về cơ bản dù kinh tế nông nghiệp trong vùng tạm chiếm hay vùng sau lưng địch thì tập tục canh tác giống nhau và tinh thần cách mạng và yêu nước của nhân dân như nhau.

Tác phẩm: “*Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam*” (1954 - 1975) do Nxb Quân đội nhân dân xuất bản tại Hà Nội năm 1997 của Bộ quốc phòng và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Cuốn sách đề cập đến vấn đề hậu phương trong chiến tranh mang tính toàn diện và hệ thống được nghiên cứu kỹ về đề

tài hậu phương trong những năm kháng chiến chống Pháp 1946 - 1954 và chống Mỹ 1954 - 1975. Ở phần “Xây dựng và phát huy vai trò hậu phương tại chỗ” được trình bày từ trang 181 đến trang 228, đánh giá được vai trò của hoạt động hậu phương tại chỗ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam. Tác phẩm cũng làm cơ sở để NCS hệ thống thêm vai trò sản xuất của quân dân vùng giải phóng.

Năm 1990, Đảng ủy, Bộ tư lệnh, Hội đồng khoa học quân khu 7, cho xuất bản cuốn “*Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1945 - 1975, tập I*”, do Nxb Quân đội nhân dân in phát hành cũng là cuốn sách nêu về các trận đánh tiêu biểu của nhân dân miền Đông anh dũng, trên mặt quân sự cũng có nói đến vai trò của hậu phương tại chỗ giúp cho các trận đánh lớn thành công.

Tác phẩm “*Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ (1954 - 1975)*” cũng đề cập đến quá trình chỉ đạo hậu phương tăng gia sản xuất tại các vùng giải phóng Nam Bộ. Đây cũng là tư liệu tham khảo bổ sung cho phần kinh tế nông nghiệp của luận án.

Năm 1997, tác giả Hồ Sơn Đài viết tác phẩm “*Chiến khu Đ*” đây cũng là một công trình nghiên cứu hệ thống lại quá trình ra đời hoạt động và vai trò to lớn của chiến khu, cho cách mạng toàn miền Đông Nam Bộ. Tác phẩm là công trình giúp NCS tìm hiểu kỹ hơn về các lĩnh vực kinh tế tại căn cứ và vùng giải phóng Đông Nam Bộ.

Tác phẩm viết về chiến khu “*Lịch sử chiến khu Đ*” do Nxb Đồng Nai năm 1997 của Bộ tư lệnh quân khu 7. Trong cuốn sách đã nêu bật tinh thần xây dựng và giữ vững mở rộng chiến khu Đ, bên cạnh đó cũng nêu vai trò của quân dân trong việc sản xuất và giữ vững tinh thần chiến đấu chống Pháp và Mỹ giai đoạn 1945 - 1975 từ trang 189 đến trang 330 cũng đề cập đến vai trò của hậu phương tại chỗ của quân dân chiến khu, liệt kê được thành quả sản xuất và tinh thần chiến đấu mà nhân dân chiến khu Đ đóng góp cho cách mạng, để tạo nên tinh thần kiên cường cho việc giữ vững chiến khu Đ trong kháng chiến chống Mỹ.

Năm 2010, Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến xuất bản bộ sách “*Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*” tập I (1975 - 1954). Đến năm 2012 xuất bản tập II (1954 - 1975) đã trình bày một số sự kiện liên quan đến sự chỉ đạo quá trình sản xuất kinh tế Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam trên một số lĩnh vực cụ thể về xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng mặt trận đoàn kết dân tộc kháng chiến hình thành Ban Kinh - Tài... Đó là một thuận lợi cho tác giả luận án trong việc tìm hiểu, nghiên cứu công tác xây dựng đảng ở Nam Bộ. Tuy nhiên, trong các tác phẩm này, các hoạt động sản xuất về kinh tế hay kết quả sản xuất kinh tế còn rất ít chỉ được đề cập đến một cách hạn chế, thường nói về bối cảnh kháng chiến và thiên về trình bày sự lãnh đạo của Đảng bộ các địa phương đối với nhiệm vụ kháng chiến.

Tập sách “*Nam Bộ Đất và Người*”, do tác giả Võ Văn Sen và Huỳnh Lứa chủ biên đã cung cấp những tư liệu quý giá về điều kiện tự nhiên, về lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ giúp hình thành thế giới quan về mảnh đất và con người nơi đây, để thấy được tinh thần bất khuất, cũng như thần giữ gìn văn hóa và các hoạt động sản xuất kinh tế của nhân dân miền Nam trong chống Mỹ ngày càng phát triển và góp phần làm nên chiến thắng chống Mỹ. Giúp NCS có cái nhìn đầy đủ hơn về vùng đất, con người Nam Bộ và hệ thống kiến thức lịch sử, văn hóa, xã hội cho luận án.

Cuốn sách do tác giả Cao Văn Lượng chủ biên; “*Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*”. Nxb Khoa học xã hội, 1981, tr.31, 47 đề cập đến quá trình đấu tranh xóa bỏ chế độ đầu giá công

điền của chính quyền Ngô Đình Diệm từ đó tạo lên phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân trong cách mạng ruộng đất. Tác động đến phong trào Đồng Khởi, cũng giúp NCS thêm vào nguồn tư liệu cho luận án.

Tại viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, các tác phẩm “*Một số vấn đề khoa học xã hội về đồng bằng sông Cửu Long*”, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982 cung cấp tư liệu về vùng Tây Nam Bộ về dân cư con người tại đây. Tư liệu giúp NCS tham khảo phục vụ cho luận án và các công trình nghiên cứu liên quan.

Gần đây năm 2019, tác giả Nguyễn Đình Lê, cũng có tác phẩm “*Biến chuyển xã hội miền Nam Việt Nam (1954 - 1975)*” đây là tác phẩm viết về chuyển biến xã hội của miền Nam có viết về lý do xã hội bị tác động bởi chiến tranh bởi các lý do khách quan và chủ quan khác nhau, các chính sách kinh tế và dân số vùng giải phóng cũng như các biến đổi của quá trình di cư dân số. Giúp NCS tham khảo phục vụ cho luận án rất tốt.

Trong cuốn “*Kinh tế kháng chiến ở Nam Bộ (1954 - 1975)*” của tác giả Lưu Văn Quyết năm 2019 có nêu khá đầy đủ về điều kiện kinh tế của Vùng giải phóng Nam Bộ và nói về công tác hậu cần của các căn cứ và chiến trường cho kháng chiến chống Mỹ, giúp NCS có cái nhìn gần hơn để phát triển luận án của mình.

Ngoài ra còn một số tác phẩm như tác phẩm viết về giáo dục miền Nam của tác giả Ngô Minh Oanh viết năm 2019 đó là tác phẩm “*Giáo dục phổ thông miền Nam (1954 - 1975)*” và các tác phẩm viết về giáo dục của tác giả Hồ Sơn Đài, cũng là tư liệu để NCS tham khảo cho phần hoạt động và đặc điểm nền giáo dục, tại vùng giải phóng Nam Bộ và toàn miền Nam.

Đến năm 2020, Văn phòng trung ương Đảng tại Hà Nội đã xuất bản cuốn “*Văn kiện trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1945 - 1975*” gồm 17 tập giúp NCS tham khảo được tốt về các chính sách, điều lệ chỉ thị về các vấn đề kinh tế và ruộng đất, kinh tế... trong công trình tập hợp gần như đầy đủ các văn kiện, đây là nguồn tư liệu đầy đủ nhất về các chính sách của Trung ương Cục miền Nam giúp NCS hoàn thiện được luận án của mình đầy đủ và khoa học hơn.

Bài báo của Nguyễn Hoài “*Về hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam Việt Nam vùng giải phóng*” ở Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 129. Bài viết của GS Trịnh Như, “*Thành tựu hoạt động, kinh nghiệm lãnh đạo của xứ ủy Nam Bộ và Trung ương miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước*” số 12 trong Tạp chí Lịch sử Đảng.

Bài viết của tác giả Nguyễn Trọng Phúc viết về “*Trung ương Cục miền Nam sự ra đời và sứ mệnh Lịch sử*” trong tạp chí Lịch sử Đảng số 117.

Ngoài ra có bài viết về “*Chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu an toàn khu của Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước*”, của Lê Xuân An, trong tạp chí lịch sử Đảng số 1.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ III, *Văn kiện Đại hội tập I*, cũng đề cập đến quá trình đấu tranh ruộng đất của nhân dân miền Tây Nam Bộ.

Trong tạp chí học tập, số 11/176, tr 24 cũng đề cập đến kết quả ruộng đất trong nông nghiệp toàn miền Nam, trong quá trình đấu tranh với chính quyền Sài Gòn.

Theo báo cáo Hội nghị dân vận mặt trận miền Nam tháng 9 năm 1963, cũng đề cập đến vấn đề

ruộng đất trong quá trình tiến hành cách mạng ruộng đất, cung cấp số liệu rất cụ thể.

Bên cạnh đó còn tìm được số liệu tổng hợp của văn phòng Trung ương cục, Hội nông dân giải phóng miền Nam về kết quả ruộng đất trong nông nghiệp. Báo diễn đàn (Anh) số ra ngày 6 - 3 - 1964) cũng đề cập đến quá trình giải phóng ruộng đất của Mặt trận giải phóng Miền Nam.

Những công trình và các bài viết trên đây, đã nêu lên được vai trò của công tác xây dựng hậu phương tại chỗ của miền Nam, công tác xây dựng chiến khu giữ vững vùng giải phóng miền Nam, tinh thần hoạt động sản xuất kinh tế của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1960 - 1975. Bên cạnh đó còn có những luận văn, luận án về các đề tài hậu phương của các thạc sĩ, tiến sĩ cũng đề cập đến công tác xây dựng hậu phương tại chỗ một số tỉnh và khu vực. Hầu hết các tác phẩm đều nêu bật lên cái chung trong công tác hậu phương miền Bắc và việc đóng góp sức người, sức của, của quân dân vùng giải phóng miền Nam cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Qua một số tác phẩm NCS tiếp cận được để tham khảo phục vụ cho luận án. có thể nói nguồn tài liệu cụ thể minh chứng, cho cả một giai đoạn lịch sử từ 1960 đến 1975 đã được các tác phẩm sơ lược. Nhưng nghiên cứu đầy đủ, toàn bộ các hoạt động kinh tế cho vùng giải phóng Nam Bộ là không có nguồn tài liệu cụ thể nào, chính vì thế NCS đã cố gắng tìm hiểu, hệ thống cụ thể hơn trong luận án này. Vì nhiều lý do chủ quan và khách quan luận án chưa được hoàn chỉnh, NCS sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung để làm rõ hơn về bức tranh kinh tế Nam Bộ một cách đầy đủ và khoa học hơn.

1.2.3 Nhóm các công trình nghiên cứu về cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước

Tác phẩm “*Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*” của Ban Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị biên soạn. Tác phẩm là những tổng hợp những nhận xét và trình bày về những quá trình diễn ra của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua các giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm chính về sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của Đảng cùng các bài học kinh nghiệm về quân sự và đối nội đối ngoại của Việt Nam giai đoạn khó khăn thử thách này. Thông qua cuốn sách Nghiên cứu sinh tổng hợp được bố cục của trận chiến chống Mỹ, cứu nước phục vụ cho bài học.

Bộ sách “*Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*” (9 tập) của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Một bộ sách có giá trị lớn, mô tả chi tiết về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc. Bộ sách được nghiên cứu trên tinh thần tôn trọng sự thật, khách quan, khoa học và ý thức trách nhiệm đối với lịch sử, đã tái hiện toàn bộ cuộc kháng chiến tương đối chi tiết và rõ ràng, và đảm bảo được các sự kiện quan trọng, các tác giả đã chú trọng phân tích làm rõ nguồn gốc, nguyên nhân cuộc chiến tranh, thể hiện tinh thần đấu tranh gay gắt của hai bên tham chiến và những bài học kinh nghiệm; đánh giá những các mặt chính, phân tích làm rõ lý do chiến tranh, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm, những thành công, cũng như chưa làm được qua từng giai đoạn của cuộc chiến. Cuốn sách đã nêu bật các diễn biến chính của cuộc chiến và những khó khăn trong giai đoạn này, giúp nghiên cứu sinh dựa vào tiến trình cuộc chiến để sử dụng vào nghiên cứu vấn đề của luận án.

Bộ sách “*Lịch sử Việt Nam*” (15 tập) của Viện Sử học Việt Nam, trong đó có các tập viết về giai đoạn này từ 1960 - 1975. Bộ sách Lịch sử Việt Nam 15 tập được kết cấu theo các thời kỳ: Thời kỳ cổ -

trung đại (từ thời tiền sử đến năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam); Thời kỳ cận đại (thời kỳ thực dân Pháp xâm lược, biến Việt Nam thành thuộc địa đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công) và Thời kỳ hiện đại (từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời cho đến nay). Bộ sách Lịch sử Việt Nam gồm 15 tập.

Với bề dày hơn 4000 năm văn hóa. Việt Nam đã có một kho tàng sử học truyền thống với các bộ quốc sử và nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn lớn... Tác phẩm “5 đường mòn Hồ Chí Minh” của tác giả Đặng Phong là một công trình có giá trị lịch sử mang tính thời đại cao, tác phẩm là cuốn tư liệu được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tập hợp tại một cuốn sách, cuốn sách đã diễn giải được tầm quan trọng và nhiệm vụ mối quan hệ của “5 đường mòn Hồ Chí Minh” trong việc chi viện cho cuộc đấu tranh giải phóng Miền Nam cũng như trong việc giữ liên lạc giữa miền Nam với miền Bắc. Sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ, cứu nước tại các vùng giải phóng miền Nam Việt Nam không thể thiếu sự chi viện từ miền Bắc bằng con đường huyết mạch mang tên đường mòn Hồ Chí Minh. Công trình cũng là tác phẩm giúp nghiên cứu sinh có cơ sở nghiên cứu tốt hơn.

Cuốn sách viết về “*Lịch sử Tổng cục Hậu cần trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*” của Tổng cục Hậu cần đây là tác phẩm trình bày quá trình lãnh đạo của Đảng đối với trách nhiệm phải bảo đảm hậu cần cho các lực lượng vũ trang trước khi thành lập Tổng cục cung cấp. Cuốn sách bao gồm quá trình hoạt động của Đảng bộ Tổng cục Hậu cần trong những năm cả nước ta phải tiến hành hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới, làm nhiệm vụ quốc tế và thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1975 - 2005). Cuối tác phẩm đã trình bày những vấn đề rút ra và bài học kinh nghiệm qua những năm tháng xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ Tổng cục Hậu cần. Cuốn sách đã nêu bật được vai trò của tình quân dân đoàn kết đấu tranh trong suốt 21 năm chống Mỹ và cả giai đoạn sau này. Là tác phẩm giúp cho luận án hiểu rõ hơn vai trò của các chiến sĩ bộ đội tại các địa phương vùng giải phóng không ngừng chiến đấu và tăng gia sản xuất.

1.2.4. Một số công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài về vùng giải phóng Nam Bộ.

Stanley I. Kutler - University of Wisconsin - Madison công bố cuốn “Encyclopedia of the Vietnam war” (Bách khoa toàn thư về chiến tranh Việt Nam) (1995). Trong cuốn từ điển này, ngoài việc liệt kê các nhân vật, sự kiện, trận đánh, vũ khí trang bị liên quan đến cuộc chiến tranh Việt Nam, có một số mục từ liên quan đến các vùng giải phóng Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cũng là nguồn tài liệu tham khảo cho luận án.

“The Economics Of Insurgency In The Mekong Delta Of Vietnam” của Robert L. Sansom. Phần lớn tài liệu cho cuốn sách này được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn với nông dân, chủ nhà, người cho vay tiền, và người lao động ở đồng bằng. Tác giả thảo luận về điều kiện kinh tế chung trong khu vực, năng suất nông nghiệp, vốn và lao động, quyền sử dụng đất, sử dụng phân bón và cải tiến sinh kế liên quan đến việc sử dụng công nghệ trung gian. Phân tích tập trung vào các vấn đề lý thuyết về kinh tế phát triển, như thất nghiệp, đổi mới và quyết định đầu tư, dựa trên những tác động xã hội và chính trị lớn hơn nền kinh tế chiến tranh. Cải cách ruộng đất, giảm tiền thuê nhà, chính sách lương nông thôn tối thiểu cũng được áp dụng. Tác phẩm cũng giúp NCS nhìn tổng quát hơn về vấn đề ruộng đất và kinh tế miền Nam Việt Nam.

Robert S. McNamara, James G. Blight, Robert Brigham, Thomas Biersteker and Col. Herbert Schandler công bố ấn phẩm “Argument without end - in search of answers to the Vietnam tragedy” (Cuộc tranh luận không hồi kết - trong việc tìm kiếm câu trả lời cho bi kịch ở Việt Nam), New York, 1999. Đây là cuốn sách nói về những bài học rút ra từ cuộc chiến tranh Việt Nam sau cuốn “*Hồi ký McNamara*” (được Nxb Chính trị quốc gia dịch sang tiếng Việt năm 1995). Dựa trên một số tài liệu mới có từ Trung Quốc, Việt Nam; đồng thời, dựa trên 6 cuộc thảo luận giữa các học giả và các cựu quan chức Việt Nam và Mỹ kéo dài trong hai năm 1997 và 1998, các tác giả đã phân tích những cơ hội bị bỏ lỡ nêu trong cuốn “*Hồi ký McNamara*” theo cái mà họ gọi là nhìn từ Washington và Hà Nội. Cuốn sách có nhiều trang nói về các vùng giải phóng miền Nam nhưng cũng chưa nói đầy đủ chi tiết, Tuy nhiên cũng giúp NCS nhìn nhận vấn đề lịch sử khách quan khoa học hơn.

Ngoài ra còn một số tác phẩm khác nữa nhưng phần lớn các công trình chỉ đề cập các số liệu chiến tranh và quân sự, ít đề cập đến vấn đề kinh tế nên NCS không đề cập vào luận án mà chỉ để tham khảo. Vì cụ thể chưa có tác giả nước ngoài viết về kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ giai đoạn 1960 - 1975 tại miền Nam.

Như vậy, hệ thống các tác phẩm tiếng Việt và nước ngoài đã có nhiều công trình nghiên cứu kinh tế, xã hội vùng giải phóng với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Tuy các công trình này chỉ đề cập đến chuyển biến kinh tế, xã hội chung cho toàn miền Nam, nên có nhiều hạn chế cho việc cập nhật số liệu đầy đủ về kinh tế riêng vùng giải phóng ở Nam Bộ giai đoạn 1960 - 1975. Một số các công trình, tác phẩm gần đây cũng đã đi vào nghiên cứu chuyển biến kinh tế vùng giải phóng ở địa phương, tỉnh cụ thể.... điều này đã gợi mở về lý thuyết, hướng tiếp cận mới, cung cấp những dữ liệu minh chứng trong các công trình của NCS, giúp NCS hoàn thiện luận án của mình tốt và đầy đủ khách quan khoa học hơn.

1.3. Kết quả đi trước và những vấn đề đặt ra tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Kết quả nghiên cứu đi trước

Qua tiếp cận các nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu có liên quan đến quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa 1960 - 1975, chúng tôi rút ra một số nhận định sau: Thành công của cuộc kháng chiến chống Mỹ, hậu phương đã đóng vai trò to lớn góp phần làm nên những chiến thắng lớn. Nhiều tác phẩm nhiều công trình nghiên cứu về công tác hậu phương, công tác xây dựng kinh tế của nhân dân miền Bắc và hoạt động kinh tế khu vực vùng giải phóng miền Nam đã nói ở trên. Nhưng chỉ mới là tổng quan và chưa chi tiết cụ thể vùng giải phóng Nam Bộ cụ thể và có thể nói số lượng còn hạn chế. Để có một nhận định và nghiên cứu một cách sâu sắc, nêu bật vai trò là hoạt động kinh tế của vùng giải phóng các tỉnh Nam Bộ từ 1960 đến 1975, chúng tôi thấy chưa có một nghiên cứu cụ thể nào.

Như vậy, khi tìm hiểu các vấn đề về kinh tế mỗi vùng vốn khá phức tạp, nghiên cứu hoạt động kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ trong thời kỳ 1960 - 1975 còn có phần khó khăn hơn. Điều khó nhất là tìm kiếm dữ liệu, tư liệu, tài liệu về chuyển biến kinh tế miền Nam trong thời gian trên rất ít và số liệu không trùng nhau và cũng rất nhiều tư liệu không đề cập đến kinh tế và số liệu sản xuất kinh tế. Các thông tin tư liệu các nguồn thường không giống nhau, kể cả thông tin phổ biến nhất các kết quả sản xuất nông nghiệp và các sản xuất kinh tế khác. Vì số liệu điều tra kinh tế ở địa bàn rộng lớn, hơn nữa vùng giải phóng miền Nam

Việt Nam ở thời chiến bị chia cắt bởi và có sự thay đổi thường xuyên. Số liệu đưa ra của chính quyền các bên nhiều lúc nhằm phục vụ mục đích chính trị của mình, cho nên thường sai lệch và khó thẩm định. Đây là khó khăn lớn nhất khi thực hiện đề tài này.

Chúng tôi đã tìm hiểu, đối chiếu các số liệu từ các nguồn khác nhau về kinh tế trong vùng giải phóng Nam Bộ. Khi sử dụng các tư liệu về kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ, chúng tôi tuân thủ nguyên tắc là khai thác nguồn tư liệu chính thống. Dù có thể chưa thể chính xác, nhưng số liệu từ Niên giám thống kê, Cục Thống kê, UBND và các tài liệu của Đảng, Bộ quốc phòng... được xem là những con số chính xác, đáng tin cậy.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

Nêu được các nội dung cơ bản của hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng Nam Bộ, trình bày quá trình hình thành vùng giải phóng Nam Bộ, các hoạt động kinh tế, bối cảnh tác động sản xuất kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ.

Nêu những yếu tố tác động đến kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ trong giai đoạn 1960 - 1975; phân tích những điểm nổi bật của hoạt động sản xuất kinh tế trên các lĩnh vực trong vùng giải phóng Nam Bộ về ruộng đất, trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại, các nguồn thu và từ chi viện của hậu phương miền Bắc và quốc tế...

Luận án bên cạnh việc phục dựng lại hoạt động kinh tế trên các lĩnh vực trong vùng giải phóng, còn rút ra các nhận xét làm rõ vai trò, đặc điểm cùng các bài học trong xây dựng, vận hành các hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng.

Kinh tế vùng giải phóng gắn liền với nghĩa vụ làm công tác hậu phương tại chỗ, vì thực tế không chỉ có miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho chiến trường miền Nam, mà tại các vùng giải phóng, các căn cứ địa quân dân cũng ngày đêm “bám đất giữ làng” chăm lo sản xuất làm nghĩa vụ hậu phương trực tiếp phục vụ cho cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn

CHƯƠNG II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG GIẢI PHÓNG NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1960 - 1968

2.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên, xã hội và lịch sử Nam Bộ

2.1.1 Đặc điểm tự nhiên Nam Bộ

Đặc điểm địa lý vùng Nam Bộ, Địa hình địa thế Nam Bộ, Điều kiện kinh tế...

2.1.2 Đặc điểm xã hội, văn hóa và kinh tế Nam Bộ trước 1960

Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến 1954. Từ thế kỷ XIX Nam Bộ đi đầu trong kháng chiến chống Pháp từ từ Gia Định đến lục tỉnh Nam Kỳ. Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, Sài Gòn cũng từng là hòn ngọc Viễn Đông. Nam Bộ có phong trào đấu tranh yêu nước mạnh mẽ, trong thời kỳ cách mạng tháng tám Nam Bộ khởi nghĩa sớm để kháng chiến chống Pháp góp phần làm cách mạng tháng tám thành công. Giai đoạn 1946 -1954 Nam Bộ cũng đấu tranh chống giặc Pháp sớm đi tới kháng chiến cứu nước phối kết hợp với chiến trường Bắc Bộ giành thắng lợi và kết thúc chiến tranh chống Pháp. Sau 1954 Nam Bộ có khu vực Sài

Gòn đã trở thành vùng tạm chiến rộng lớn của miền Nam Việt Nam.

Từ sau hiệp định Giơnevơ tại miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ lập chính quyền VNCH lập ra chế độ tay sai, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, áp dụng các loại hình chiến tranh thí điểm tại miền Nam Việt Nam. Nhân dân tại miền Nam đã không ngừng đấu tranh làm xuất hiện các tổ chức lãnh đạo cách mạng Mặt trận giải phóng Miền Nam vào tháng 12/1960, lãnh đạo cách mạng đấu tranh không ngừng.

Các vùng giải phóng Nam bộ ra đời trong giai đoạn từ 1960 - 1975 gắn với đặc điểm về địa lý tự nhiên và địa lý, văn hóa, thực trạng thế và lực cùng nhiệm vụ chính trị, quân sự của cách mạng Việt Nam. Về cơ bản, địa hình Nam Bộ được chia thành hai vùng Đông và Tây với các chỉ số tự nhiên tương đối khác biệt về độ cao so với mực nước biển và cấu trúc bề mặt, về chất đất, thảm thực vật, hệ thống đường giao thông thủy bộ, khí hậu và tác động của chế độ thủy triều. Bên cạnh đó bối cảnh chính trị cũng tạo nên các điều kiện khách quan và chủ quan ra đời các vùng giải phóng Nam Bộ giai đoạn sau 1960.

2.1.3 Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành vùng giải phóng ở Nam Bộ

2.1.3.1 Bối cảnh lịch sử

Từ sau 1945 sau khi chiến tranh thế giới 2 kết thúc. Trật tự thế giới mới hình thành, trật tự 2 cực Ianta và thời kỳ Chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô xuất hiện, nhưng KHKTCN sau 1945 cũng phát triển mạnh có tác động tích cực và tiêu cực đến nhân loại. Cuộc chiến tranh lạnh đã tác động ảnh hưởng lớn đến lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1945 - 1954. Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất thế giới, đứng đầu các nước tư bản chủ nghĩa. Cũng từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, Đứng đầu hệ thống XHCN là Liên Xô, giai đoạn này, phong trào đấu tranh công nhân ở các nước tư bản dân cao phong trào cách mạng giải phóng của dân tộc các nước Á Phi, Mĩ La tinh phát triển mạnh mẽ. Ba phong trào cách mạng đó phối hợp nhau dựa vào nhau trở thành cơn bão táp cách mạng, tấn công vào chủ nghĩa đế quốc làm cho các lực lượng đế quốc bị suy yếu. Trước tình hình đó đế quốc Mỹ vạch ra chiến lược toàn cầu, nhằm ngăn chặn bước phát triển mới của cách mạng thế giới, âm mưu làm bá chủ thế giới.

Từ 1954, sau khi có mặt tại miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, nhằm ngăn chặn ảnh hưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa xuống các nước Đông Nam Á. Mỹ thực hiện âm mưu trên đây, trong lúc nhân dân ta đã trải qua chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhưng thế lực kinh tế của Pháp và ảnh hưởng chính trị của chúng cũng còn khá lớn ở miền Nam. Để đạt âm mưu trên đế quốc Mỹ sử dụng con bài viện trợ đi đôi với các thủ đoạn quân sự và chính trị để hất cẳng Pháp độc chiếm miền Nam, mua chuộc tay sai và lừa mị nhân dân ta biến thành kinh tế miền Nam hoàn toàn lệ thuộc Mỹ.

2.1.3.2 Sự hình thành và phát triển vùng giải phóng ở Nam Bộ giai đoạn 1960 - 1968

Chính quyền Sài Gòn đã củng cố lại lực lượng và nhận được sự giúp đỡ gia tăng bởi chính quyền Mỹ sau phong trào Đồng Khởi. Từ giữa năm 1961, Mỹ - Diệm thực hiện cuộc “chiến tranh đặc biệt”. Âm mưu “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam” kết hợp những thủ đoạn chiến tranh xâm lược tàn bạo của đế quốc có vũ khí và trang bị kỹ thuật hiện đại với những biện pháp khủng bố, đàn áp dã man. Lực

lượng chủ chốt trong chiến tranh đặc biệt là quân đội Ngụy. Tiến hành cuộc “chiến tranh đặc biệt”, ngoài mục đích xâm lược miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ còn âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành nơi thí điểm cuộc chiến tranh đó để có bài học kinh nghiệm để thực hiện chiến tranh đàn áp các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Sau khi vùng giải phóng được thành lập 1960. Đảng đã chủ trương bảo vệ, xây dựng các vùng giải phóng thành hậu phương tại chỗ. Ngày 20/12/1960, tại Trảng Chiêng, xã Tân Lập, huyện Châu Thành thuộc vùng giải phóng Tây Ninh (nay là Tân Biên, Tây Ninh), đại biểu các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo và các đảng phái đã tổ chức đại hội và *thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch

Như vậy giai đoạn từ 1960 - 1968, cách mạng tại miền Nam Việt Nam đã phát động chiến tranh nhân dân ở Nam Bộ, chủ động đánh quân địch khi chúng vừa tới. Các vành đai căn cứ địa có nhiệm vụ chặn địch tấn công và bao vây Sài Gòn và đạt được các kết quả tốt giúp các vùng giải phóng ngày càng mở rộng.

2.1.3.3 Giải quyết vấn đề ruộng đất, phát triển nông nghiệp trong vùng giải phóng

MTDTGPMN nêu trong chương trình Mười điểm, đã nói cụ thể hơn chủ trương về vấn đề ruộng đất khai hoang cho người có công khai phá. Bảo hộ quyền sở hữu chính đáng về ruộng đất đã được chia của nông dân... Bãi bỏ các “khu trừ mật” chế độ bắt quân đi “dinh điền” được tự do trở về sinh sống, làm ăn trên ruộng đất của mình.

Chính sách ruộng đất của Đảng đã có một ý nghĩa lớn lao, đã tác động mạnh mẽ tới chế độ sở hữu ruộng đất ở miền Nam, mà chủ yếu là ở khu vực Nam Bộ.

Trong hồ sơ 457 của UBTNCP, lưu tại trung tâm lưu trữ quốc gia III. Phần vấn đề ruộng đất nông thôn miền Nam 1954 - 1975, có nhấn mạnh đến các chính sách về ruộng đất:

Cụ thể theo chủ trương của MTDTGPMN: tiến hành giảm tô cho nông dân, bảo đảm quyền nguyên canh của nông dân, giành lại cho nông dân các loại ruộng đất để cấp cho nông dân trong thời kỳ kháng chiến, hiện nay bị Mỹ - Diệm hay địa chủ phản động cướp đoạt, giải quyết thu hợp lý quyền sở hữu ruộng đất khai hoang, ruộng đất vắng chủ, chia lại công điền, công thổ cho nông dân, tịch thu ruộng đất của chính quyền Mỹ - Diệm và tay sai gian ác, được hiện hành bị nhân dân trưng trị để chia cho dân cày, giải quyết hợp lý vấn đề ruộng đất vùng thượng du bị chiếm làm dinh điền, đồn điền khu trừ mật. Mặt trận thừa nhận quyền sở hữu ruộng đất của tất cả nhưng địa chủ không làm tay sai gian ác cho Mỹ Diệm. Đối với phú nông chủ trương của Mặt trận không đặt phú nông ngang hàng với địa chủ, khuyến khích phú nông tăng gia sản xuất, giữ đúng chính sách liên hiệp với phú nông

2.2. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp trong vùng giải phóng Nam Bộ

2.2.1 Hoạt động sản xuất nông nghiệp giai đoạn 1960 - 1965

Hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhân dân vùng giải phóng, nhân dân hăng hái sản xuất, để giúp đỡ cách mạng. Từ năm 1957, tiêu biểu địa bàn vùng Đông Nam Bộ là hai tỉnh Biên Hòa và Long Khánh có diện tích lúa cao nhất trong thời kỳ này... Năm 1964, khi “chiến tranh đặc biệt” sắp bị phá sản, Trung ương Cục chủ trương đưa mặt trận sản xuất. Trong đó việc phát triển các tổ vạ - vắn đổi công là

nhiệm vụ chủ yếu. Thường vụ Trung ương Cục và Ban chấp hành Hội nông dân giải phóng miền Nam đã hướng dẫn chỉ đạo công tác vắn, đổi công cho các địa phương. Từ năm 1965, thường vụ Trung ương Cục đã ban hành một số chỉ thị để chỉ đạo phong trào, như: “Chỉ thị về tổ chức đổi công ngày 12 - 6 - 1965”, trong nghị quyết các hội nghị tháng 8 - 1965 của ban thường vụ trung ương Cục có phần nói về vắn đổi công, Từ những năm 1965 phong trào vắn đổi công phát triển mạnh. Trong sản xuất các tổ vắn vắn, đổi công đã giúp nông dân giải quyết khó khăn do thiếu nhân lực và sức kéo để đảm bảo sản xuất kịp thời vụ và những lúc địch đánh phá ác liệt. Lao động của người già, phụ nữ và trẻ em được tận dụng. Những nơi địch đánh phá, tình hình căng thẳng, nếu không có tổ, vắn, nhiều nơi đã bỏ hoang như ở xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng (Tây Ninh), hoặc lúa chín, nếu không có vắn cũng không gặt được xã Lộc Thuận, xã Lộc Hưng (Tây Ninh).

Các vắn ở Nam Bộ cho thấy: Nếu nông dân làm ăn riêng rẽ, thì có những khó khăn không khắc phục nổi; từ lúc cày đã phải có người cày, người cảnh giới địch đi lung sục; lúc gặt và cất giấu lúa mọi việc phải nhanh chóng, gặp lúc địch đánh ngày phải chuyển sang làm đêm. Đối với chiến đấu, các tổ, vắn vắn đổi công tại các vùng căn cứ, vùng du kích nên phải gắn chặt hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu. Trong vắn, hàng năm đã sắp xếp người đi tòng quân, người vào dân quân du kích, người đi dân công, ngoài ra còn tham gia xây dựng ấp, xã chiến đấu, phong trào chiến tranh du kích và đấu tranh chính trị... hàng năm tại các tổ viên, vắn viên trong vùng giải phóng còn đóng góp đảm phụ cho cách mạng. Có nơi còn nuôi dấu thương binh và cán bộ, ủng hộ quỹ nuôi quân... đến cuối năm 1968, theo số liệu tập hợp chưa đầy đủ Hội nông dân giải phóng miền Nam số tổ, vắn, vắn đổi công số tổ viên vắn viên ở Đông Nam Bộ là có số tổ: 224, số tổ viên, bình quân tổ viên của 1 tổ là 12/1. Như vậy, trong sản xuất nông nghiệp, ngoài công tác vắn, vắn, đổi công mang lại hiệu quả cao giúp cho công tác kinh tế hậu phương tại chỗ hoàn thành tốt nhiệm vụ cung cấp trực tiếp cho chiến trường Nam Bộ.

2.2.2 Hoạt động sản xuất nông nghiệp giai đoạn 1965 - 1968

Trong thời gian từ 1960 - 1968, Trung ương Cục miền Nam cũng đã đề ra nhiệm vụ chung cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là phải nỗ lực vượt bậc phát huy sức mạnh tổng hợp về quân sự, chính trị, ngoại giao và Kinh tế - Tài chính để tiến nhanh đến thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công tác Kinh tế - Tài chính lúc này kết hợp với các mũi tiến công khác tập trung cho hai nhiệm vụ lớn: Đánh bại kế hoạch bình định ở miền Nam, phát triển tiến công giải phóng phần lớn đất đai Campuchia. Như vậy, sau khi vùng giải phóng ra đời trong tiến trình chống Mỹ, cứu nước. Mặt trận dân tộc giải phóng, ngoài việc nhanh chóng thực hiện chia ruộng đất cho nông dân. Còn hỗ trợ các hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp ngay từ năm đầu chống Mỹ. Nhìn chung toàn miền Nam, từ Đồng khởi đến năm 1968, do giành lại được ruộng đất và đoàn kết nỗ lực sản xuất.

2.3. Hoạt động công - thương trong vùng giải phóng Nam Bộ (1960 - 1968)

Giai đoạn 1960 trở đi, kinh tế miền Nam ngành công nghiệp, thương mại... phát triển do ảnh hưởng một phần kinh tế tư bản Mỹ và xu hướng phát triển của kinh tế. Nhưng do ảnh hưởng chiến tranh xâm lược của Mỹ tại miền Nam Việt Nam, nên một số ngành công nghiệp bị suy giảm mạnh, tuy nhiên cũng

có một số ngành công nghiệp phục vụ cho nhu cầu chiến tranh lớn, lên rất nhanh với hàng loạt công ty, nhà máy ra đời.

Đó là các ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, đồ hộp, xây dựng, luyện kim, đồ điện, nhựa dẻo, giấy, sản phẩm bằng giấy... Nhìn chung, chỉ số tăng trưởng và giá của sản xuất công nghiệp của một số mặt hàng thiết yếu hầu như liên tục gia tăng trong những năm 1965 trở đi. Chỉ số này chỉ bắt đầu giảm nhanh khi viện trợ Mỹ và cường độ chiến tranh yếu đi.

2.3.1 Tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại Nam Bộ trong vùng giải phóng

2.3.2 Những khó khăn trong hoạt động Công nghiệp - Thương nghiệp tại các vùng giải phóng.

2.4. Hoạt động tạo nguồn thu và tiếp nhận chi viện từ hậu phương trong vùng giải phóng

Từ khi các vùng giải phóng xuất hiện, Khi mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được hình thành vào tháng 12/1960. Ngoài việc đảm bảo sản xuất tại vùng giải phóng. Trung ương Cục miền Nam Việt Nam, đã tăng thêm nguồn thu bên cạnh việc sản xuất tại chỗ, để bảo đảm nhu cầu chi tiêu mà chủ yếu là bảo đảm cung cấp lương thực cho các các đơn vị và nhân dân.

2.4.1 Nguồn thu đảm phụ nông nghiệp

2.4.2. Tiếp nhận chi viện từ hậu phương miền Bắc

2.4.3 Nguồn thu từ đô thị và các nguồn thu khác

2.4.4. Giải quyết vấn đề tài chính kháng chiến

CHƯƠNG III. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG GIẢI PHÓNG NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1969 - 1975

3.1. Bối cảnh tác động đến phát triển kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của quân và dân ta đã giáng một đòn mạnh vào bộ máy chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ đã sụp đổ, Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt việc ném bom ở miền Bắc và phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Pari. Sau cuộc tổng công kích và nổi dậy năm 1968 đã làm cho Mỹ - chính quyền Sài Gòn hoang mang, dao động mạnh. Quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục vạn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng thêm hàng triệu đồng bào khỏi ách kìm kẹp của địch.

Trước những âm mưu, hành động chiến tranh mới của quân Ngụy trên chiến trường, phân tích kỹ về tương quan so sánh lực lượng giữa quân cách mạng ta và quân Ngụy và phân tích chiến lược phát triển của cuộc chiến tranh nhân dân; Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đã ra Nghị quyết mới: Quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm (1975 - 1976). Mặc dù kế hoạch của Bộ Chính trị đề ra trong 02 năm, song nếu tùy ý vào điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của thời cơ và khi thời cơ đến sớm thì phải nhanh chóng chớp thời cơ, tiến quân thần tốc giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975. Kết quả với tinh thần quyết chiến chiến lược và thần tốc táo bạo đến 30/4/1975 quân ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước

3.2. Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong vùng giải phóng Nam Bộ giai đoạn 1969 - 1975

3.2.1. Giải quyết vấn đề ruộng đất

Dù trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng khi xuất hiện các vùng giải phóng vấn đề ruộng đất vẫn được chú trọng, chỉ thị "nỗ lực vượt bậc, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng cường bồi dưỡng sức dân, động viên cao độ sức người, sức của phục vụ tiền tuyến, kiên quyết giành thắng lợi quyết định" ra đời ngày 20 tháng 2 năm 1969 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam Việt Nam đã động viên tinh thần sản xuất của quân dân vùng giải phóng. Chỉ thị còn đề ra nhiệm vụ sản xuất, tiết kiệm của quân và dân miền Nam năm 1969 ngoài ra còn động viên quần chúng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, luôn chống lại âm mưu bình định của chính quyền Ngụy, giải phóng sức lao động ở vùng nông thôn, tăng cường sản xuất đạt năng suất cao nhất, khôi phục và mở rộng diện tích sản xuất, phục hồi đất đai hoang hóa, bị bỏ không sản xuất trong chiến tranh, các vùng trắng bị co hẹp lại nhiều hơn, xây dựng kinh tế hậu phương tại chỗ ngày càng lớn mạnh vững chắc, giữ vững sản xuất ở vùng ven, bảo đảm đời sống nhân dân, để cung cấp cho chiến trường về người và vật chất. Ngoài nhiệm vụ tích cực đẩy mạnh sản xuất, cần thực hành tiết kiệm, Vùng giải phóng còn sử dụng khai thác những nguồn nhân tài vật lực hợp lý cung cấp cho các mặt trận. Tuyên truyền động viên trong cán bộ nhân dân nếp sống gương mẫu, đóng góp tiết kiệm tiền phục vụ cho kháng chiến.

Việc giải quyết ruộng đất góp phần giúp Ủy ban mặt trận giải phóng miền Đông Nam Bộ đã hỗ trợ nhân dân vùng giải phóng tại miền núi lúa giống để đồng bào miền núi có giống gieo và lương ăn làm mùa, ổn định cuộc sống của nhân dân và tiếp tục cuộc kháng chiến với chính quyền Mỹ - Ngụy, giúp cho tình hình sản xuất nông nghiệp trong vùng giải phóng được giữ vững và giúp cuộc kháng chiến chống giặc giành thắng lợi ở giai đoạn sau.

3.2.2. Hoạt động sản xuất nông nghiệp

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, chính quyền cách mạng các vùng giải phóng Nam Bộ đã phát động quần chúng hoàn thành xuất sắc công tác lương thực, bám đất giữ làng, giữ vững sản xuất và bảo vệ sản xuất. Mặc dù chính quyền Mỹ và chính quyền Sài Gòn nhằm mục đích biến Đông Nam Bộ thành một tiền đồn vững chắc để bảo vệ cửa ngõ phía Tây Bắc và Bắc Sài Gòn, đế quốc Mỹ đã đổ vào đây rất nhiều bom đạn, chất độc hóa học và các phương tiện chiến tranh khác hình thành nên một hệ thống đồn bốt và căn cứ quân sự dày đặc. Vì thế, diện tích đất đai nông nghiệp tại đây ngày càng bị thu hẹp, ở những vùng xảy ra chiến sự nhân dân không thể sản xuất được, phải bỏ ruộng, bỏ vườn chạy vào thị trấn thị xã. Điều này đã làm cho nền kinh tế nông nghiệp bị đình đốn, không phát triển được.

Như vậy, với các chính sách kịp thời về ruộng đất và sản xuất đã giúp cho cách mạng miền Nam ngày càng phát triển, đời sống nhân dân vùng giải phóng và các căn cứ quân sự ngày càng mở rộng và an toàn, công tác hậu phương tại chỗ phát huy được sức mạnh trong suốt hơn 20 năm đấu tranh gian khổ. Giai đoạn này kinh tế nông nghiệp là kinh tế cốt lõi vì vậy chiến thắng trên mặt trận này là chiến thắng tất cả.

3.2.3 Các hoạt động xây dựng kinh tế nâng cao đời sống nhân dân vùng giải phóng Nam Bộ

Từ những năm 1969 trở đi, Trung ương Cục miền Nam Việt Nam đã chỉ rõ vai trò quan trọng của Kinh tế - Tài chính ở nông thôn vùng giải phóng đối với kháng chiến: Sức mạnh Kinh tế - Tài chính ở các vùng nông thôn, căn cứ kháng chiến của ta luôn có ý nghĩa trước mắt là bảo đảm cho nhu cầu cung cấp

kháng chiến và đời sống nhân dân mà lương thực, thực phẩm ở đây còn có khả năng cung cấp cho các đô thị. Do đó, nắm được lương thực, thực phẩm dồi dào ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là điều rất quan trọng để đấu tranh với địch trên mặt trận kinh tế và chính trị. Đây là mục tiêu quan trọng để tiếp tục cuộc kháng chiến

3.3.3 Hoạt động quản lý và tạo nguồn thu từ các đồn điền cao su trong vùng giải phóng từ năm 1969 - 1975

Bên cạnh các hoạt động sản xuất lúa, chăn nuôi, làm thủ công nghiệp, ngư nghiệp việc trồng các cây công nghiệp và tận dụng nguồn thu từ các loại cây công nghiệp được trồng từ thời Pháp như cây Cao su được quan tâm. Cao su vốn được coi là ‘vàng trắng’, loại cây mà thực dân Pháp đã trồng và khai thác triệt để tại miền Nam Việt Nam, trong quá trình khai thác thuộc địa từ 1858 đến 1945

3.4. Hoạt động công - thương trong vùng giải phóng Nam Bộ giai đoạn 1969 - 1975

Trung ương Cục miền nam đã chỉ đạo tiếp tục phát triển nền kinh tế công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (mặc dù trong vùng giải phóng Nam Bộ gặp nhiều khó khăn vì hậu chiến tranh tại các vùng giải phóng, tinh thần nhân dân chưa ổn định sau chiến tranh). Nhưng để phát huy vai trò của ngành công nghiệp. Chính phủ cách mạng lâm thời đã ban hành một số chính sách sau:

MTDTGPMN đưa ra các chính sách phù hợp tình hình mới, nhằm phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh, cải thiện đời sống nhân dân, làm cho vùng giải phóng ngày càng vững mạnh về mọi mặt, phù hợp với chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc, tạo điều kiện sớm tiến tới một nền kinh tế độc lập tự chủ, phồn vinh của toàn miền Nam góp phần phục vụ sự nghiệp hòa bình thống nhất nước nhà và nâng cao uy tín nước ta trên thế giới.

3.4.1. Tình hình sản xuất trong các lĩnh vực Công nghiệp - Thủ công nghiệp trong vùng giải phóng sau 1969

3.4.2. Các chủ trương hoạt động thương mại trong vùng giải phóng Nam Bộ giai đoạn 1969 - 1975

3.5. Hoạt động tạo nguồn thu trong vùng giải phóng Nam Bộ (1969 - 1975)

Ngoài các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp ngày 1 tháng 10 năm 1969, Trung ương Cục đã ra Chỉ thị số 121/CT/ NT ban hành chính sách đảm phụ nông nghiệp thống nhất trong toàn miền Nam. Theo chính sách này, yêu cầu đóng đảm phụ nông nghiệp tại vùng đồng bằng sông Cửu Long là 12 - 15% sản lượng thường niên, các tỉnh Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ là 10 - 12%. Khi nguồn thu đảm phụ nông nghiệp xuất hiện giúp cho đời sống của nhân dân vùng giải phóng và các quân khu ổn định hơn, đây là nguồn thu lớn của công tác hậu phương tại chỗ, quân dân vùng giải phóng Nam Bộ đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ này để góp phần làm nên chiến thắng ở trên các mặt trận tại miền Nam Việt Nam.

3.5.1 Nguồn thu đảm phụ nông nghiệp, đảm phụ công thương nghiệp, đảm phụ xuất nhập thị

3.5.2 Nguồn thu từ đô thị và các nguồn thu khác

3.5.3. Công tác thu - chi tài chính

3.6. Tiếp nhận chi viện miền Bắc và nhận chi viện từ nước ngoài.

3.6.1 Tiếp nhận sự chi viện của miền Bắc

Hậu phương miền Bắc trong giai đoạn từ năm 1960 đến 1975 đã chi viện nguồn lực về vật chất và tinh thần để cách mạng miền Nam, đảm bảo cho tuyến vận tải trên đường Trường Sơn đảm nhiệm tốt nhiệm vụ. Với những nỗ lực to lớn của miền Bắc hỗ trợ không ngừng nghỉ, sự chi viện thường xuyên, hiệu quả của miền Bắc. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hậu phương miền Bắc đã chi viện cho các chiến trường gần 700.000 tấn vật chất, (gấp 2 lần số lượng vật chất khai thác tại chỗ), trong đó có trên 180.000 tấn vũ khí trang bị kỹ thuật. Riêng năm 1974 con số chi viện còn gấp rất nhiều lần để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công giải phóng miền Nam.

Như vậy, trong quá trình mở rộng vùng giải phóng Nam Bộ, vùng giải phóng đã thực hiện tốt sứ mệnh lịch sử của mình, nhưng không thể không nói đến vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc. Miền Bắc đã tạo mọi điều kiện tốt nhất, đóng góp những nguồn lực hết sức to lớn để đảm bảo cho quá trình xây dựng, hoạt động và phát triển các vùng giải phóng Nam Bộ luôn sẵn sàng vận chuyển những nguồn lực cung cấp cho chiến trường miền Nam và các vùng giải phóng. Để hoàn thành trách nhiệm vụ to lớn đó, nhân dân miền Bắc đã được củng cố về mọi mặt, trở thành nền, thành gốc cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Nhân dân miền Bắc sẵn sàng cùng một lúc làm hai nhiệm vụ chiến lược, luôn “thắt lưng, buộc bụng”, sẵn sàng hy sinh, sẵn sàng cung cấp đến những dòng vật chất cuối cùng cho con đường gánh vác sức mạnh hậu phương ra chiến trường, vì một miền Nam thành đồng và thành công.

3.6.2 Tiếp nhận sự chi viện của nước ngoài

Ngoài phần thu trong nhân dân trong nước, còn có một phần đóng góp không nhỏ của các nhà hảo tâm như: những nhà tư sản yêu nước, Việt kiều ở nước ngoài, hiến nhà, hiến đất cho cách mạng, họ vận động các tổ chức, các chính phủ viện trợ cho Việt Nam.

CHƯƠNG IV. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ, BÀI HỌC RÚT RA TỪ THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG VÙNG GIẢI PHÓNG NAM BỘ (1960 - 1975)

4.1. Đặc điểm hoạt động kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ (1960 - 1975)

Vùng giải phóng Nam bộ phát triển và mở rộng. Những vùng giải phóng và tranh chấp tại Nam Bộ giai đoạn 1960 - 1975 chịu rất nhiều áp lực của chiến tranh, bị Mỹ và chính quyền Sài Gòn đánh phá liên tục, bao vây, cô lập kinh tế làm cho nhân dân chịu nhiều thiếu thốn. Trước tình hình đó, các tổ chức Đảng và chính quyền cách mạng đã có những chủ trương, chính sách về kinh tế, động viên sự nỗ lực của quân và dân trong vùng giải phóng không những vượt qua khó khăn mà còn có đóng góp cho sự nghiệp kháng chiến tại chỗ. Nằm trong vùng có vị trí then chốt của miền Nam. Nam Bộ là căn cứ kháng chiến trọng điểm, góp phần vào sự nghiệp phát triển cách mạng miền Nam, đi lên hoàn thành nhiệm vụ thống nhất đất nước.

Trong đấu tranh chống Mỹ với nghệ thuật đánh địch trên ba vùng chiến lược là một sáng tạo của Đảng ta trong sự nghiệp cách mạng lãnh đạo toàn dân đứng lên lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, giành lại nền độc lập, tự do cho dân tộc. Đảng ta đề ra phương châm: đánh địch trên cả ba vùng chiến lược với những hình thức thích hợp. Đây là một nội dung quan trọng của phương pháp tiến hành chiến tranh cách mạng để giành lấy mục tiêu cách mạng.

Căn cứ vào vị trí chiến lược của vùng giải phóng Nam Bộ, trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng ta đã đề ra những phương thức đấu tranh thích hợp cho từng giai đoạn kháng chiến trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa - xã hội..., đánh đổ địch từng bước, từng bộ phận, tiến lên đánh đổ hoàn toàn.

4.1.1. Kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ chịu sự tác động trong hoàn cảnh chiến tranh vô cùng ác liệt.

Quá trình hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng diễn ra trong điều kiện chiến tranh Chống Mỹ ngày càng gay gắt, đế quốc Mỹ liên tục đề ra các chính sách bình định vào nông thôn miền Nam, tiến hành các cuộc càn quét và tập kích quy mô lớn đặc biệt là bắt đầu từ giai đoạn chiến tranh đặc biệt với chủ trương dồn dân lập các “ấp chiến lược” và giai đoạn mở các cuộc hành quân tìm diệt vào 2 mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 và sau 1968 vùng giải phóng của Nam Bộ giai đoạn này đã có những khó khăn nhất định, sản xuất ngưng trệ nhiều vùng giải phóng bị thu hẹp, các hoạt động kinh tế tại các vùng giải phóng chủ yếu đặt dưới sự chỉ đạo của các ủy Đảng như huyện ủy, tỉnh ủy, khu ủy và cao nhất là Trung ương Cục miền Nam. Trong một thời gian dài không có chính quyền cách mạng, các cấp bộ Đảng trong thời gian này về thực chất đã làm chức năng của chính quyền nhà nước trong vùng giải phóng. Sau khi Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời, với việc hình thành chính quyền cách mạng các cấp, thì chính quyền cách mạng đã đảm nhận việc tổ chức nhân dân hoạt động sản xuất kinh tế. Kinh tế trong vùng giải phóng Nam Bộ không thể có cơ cấu của một nền kinh tế ổn định, nhưng ngày càng phải đáp ứng yêu cầu của chiến tranh cách mạng đã phát triển đến đỉnh cao.

4.1.2. Xây dựng phát triển nền kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ là quá trình kết hợp sản xuất trong vùng giải phóng, các căn cứ địa với thu mua bên ngoài, chủ động tích lũy tại chỗ với chi viện, từ hậu phương lớn và sự giúp đỡ của các nước anh em.

Căn cứ vào tình hình thực tế trên chiến trường ở miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, lực lượng cách mạng của ta đã sớm xác lập được bốn nguồn chủ yếu để xây dựng căn cứ địa về mặt kinh tế: Cho các đơn vị trong căn cứ tiến hành sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi để giải quyết lương thực thực phẩm cho chiến khu, giao lưu buôn bán giữa vùng cách mạng kiểm soát và vùng đối phương kiểm soát, tạo nên các nguồn thu từ nhân dân, nguồn thu đảm phụ nông nghiệp, từ cây cao su... Thu mua nguồn nguyên liệu từ các cơ sở hậu cần khác cung cấp cho căn cứ kháng chiến, ngoài ra tiếp nhận nguồn chi viện chính từ miền Bắc và quốc tế để phục vụ cho kháng chiến.

4.1.3. Kinh tế trong vùng giải phóng đã được tiến hành một cách năng động, tích cực trên các lĩnh vực

Trong quá trình Đồng khởi, ở nhiều khu vực đồng bằng và miền núi miền Nam, các ủy ban nhân dân tự quản của xã, ấp được hình thành thay thế cho bộ máy chính quyền Sài Gòn bị tan rã hoặc bỏ chạy. Những ủy ban này đã tổ chức nhân dân diệt trừ các ổ nhóm phản động, các phần tử tay sai của đối phương còn sót lại, làm trong sạch địa bàn; ổn định sản xuất, xây dựng cuộc sống

Những bài học trong chiến tranh đã chứng minh dù rừng núi hay đồng bằng thì mỗi nơi đều có

những thế mạnh riêng của mình. Nông thôn rừng núi có địa thế hiểm trở, tiến có thể đánh, lui có thể giữ rất phù hợp cho việc xây dựng những căn cứ cách mạng vững chắc

Thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của sức mạnh Việt Nam cả về tinh thần và vật chất. Trong công tác xây dựng phát triển kinh tế cũng như vậy, cần quan tâm xây dựng trên tất cả mọi lĩnh vực, từ chính trị, quân sự đến kinh tế, văn hóa - xã hội. Xây dựng một nền kinh tế phục vụ cách mạng, phục vụ sự nghiệp chính trị tức là tạo sự đồng lòng nhất trí của mọi người dân, sẵn sàng ra mặt trận chiến đấu, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp chung của cả nước. Phải biết khơi dậy lòng yêu nước và quyết tâm của nhân dân để tạo nên sức mạnh to lớn về chính ở ngay tại hậu phương tại chỗ. Xây dựng một nền kinh tế góp phần phát triển về quân sự tức là phải vũ trang toàn dân, xây dựng thế trận mỗi người dân là một người lính, mỗi làng là mỗi pháo đài cùng đánh giặc, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 3 thứ quân: Dân quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chính quy. Phải coi trọng việc tổ chức chiến trường trên các địa bàn, nhất là ở các vùng căn cứ, vùng giải phóng cả vùng tạm chiến. Phải có sự chuẩn bị chu đáo sẵn sàng đánh trả bất cứ cuộc hành quân lấn chiếm, càn quét nào của địch.

4.1.4 Kinh tế vùng giải phóng góp phần xây dựng căn cứ địa là bàn đạp cách mạng và kháng chiến thắng lợi (đảm bảo hậu phương tại chỗ cho chiến tranh), đảm bảo cho sức mạnh hậu cần cho thắng lợi của chiến tranh.

Việc xây dựng căn cứ cơ bản đã được hoàn thành sau năm 1960 trên quan điểm mới, tổ chức mới: nhận diện kẻ thù mạnh, có hỏa lực mạnh và kế hoạch tác chiến rất tinh vi và khoa học; dựa vào hậu phương miền Bắc để xây dựng căn cứ địa, biến thành hậu phương chiến lược. Vì phân tích kẻ thù chính xác nên phải duy trì căn cứ địa, nhưng duy trì theo hướng mới: tiếp tục củng cố hành lang căn cứ, dựa vào căn cứ địa để tồn tại. Căn cứ Đông Bắc, Tây Bắc không giống Đồng Tháp Mười và U Minh vì có đồng bằng, rừng núi; riêng chiến khu Đông Bắc giáp với hậu phương miền Bắc qua con đường Trường Sơn, kết nối với Tây Nguyên và Campuchia. Vì phân tích tình hình đúng nên có sự chỉ đạo thống nhất giữa Xứ ủy và Liên tỉnh ủy (phát triển lực lượng vũ trang) để động viên người vào đánh giặc, cứu nước. Với việc xây dựng và phán đoán đúng vị trí các căn cứ giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh, mà lãnh đạo Đảng và Trung ương Cục miền Nam đã hoàn thành tốt sứ mệnh lịch sử giải phóng dân tộc trong giai đoạn chống Mỹ.

4.1.4. Sự chỉ đạo xuyên suốt của Trung ương Cục miền Nam Việt Nam là quyết định nhất nhưng không thể thiếu vai trò trực tiếp của Ban Kinh tài từ đó phát huy tinh thần tự lực cánh sinh ra sức phát triển sản xuất tại chỗ làm cơ sở cho tiếp nhận sự chi viện từ hậu phương.

Hoạt động sản xuất kinh tế nông nghiệp, công thương nghiệp, đảm bảo các nguồn thu đảm phụ, các nguồn thu khác... dưới sự chỉ đạo Đảng. Để đảm bảo kinh tế các vùng giải phóng và các vùng căn cứ địa hình thành. Đầu tiên quan trọng là sự tiếp nhận nhân lực vật lực đầu là sự chi viện của miền Bắc, sau đó là đóng góp của nhân dân dưới các hình thức khác nhau như lạc quyên, thu các loại đảm phụ, nhập khẩu và thu mua tại chỗ, giúp đỡ của các nhà hảo tâm, sự giúp đỡ của quốc tế, ngoài ra còn có bình phong kinh doanh hợp pháp, cùng với phần thu từ chiến lợi phẩm, các vật dụng quân tư trang, nhưng phần thu này không có nhiều.

4.2. Vai trò và đóng góp của kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ.

4.2.1. Đảm bảo đời sống quân dân trong kháng chiến, là cơ sở nền tảng để xây dựng đời sống văn hóa, xã hội vùng giải phóng.

4.2.2. Hoạt động kinh tế vùng giải phóng Nam Bộ phản ánh mối quan hệ đa dạng nhưng rất độc đáo và sáng tạo của chiến tranh nhân dân trong kháng chiến

4.2.3. Đẩy mạnh hoạt động kinh tế tại các căn cứ, xây dựng tiềm lực phục vụ cho cuộc kháng chiến tại chỗ.

Hội nghị Trung ương Cục miền Nam họp lần thứ nhất vào tháng 11/1961 để nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 1/1961, nhận định: Vùng căn cứ của ta chưa rộng, chưa được củng cố vững chắc về kinh tế, quân sự, chính trị, lực lượng tập trung chưa xứng đáng, ta phải gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, mở rộng phong trào du kích. Phải tăng cường công tác kinh tế, tài chính, đẩy mạnh sản xuất, nhất là ở vùng căn cứ. Trong chiến tranh, căn cứ địa luôn là nơi thu hút lực lượng lớn quân địch, địa bàn giao tranh và là bàn đạp để lực lượng kháng chiến tiến công ra bên ngoài. Vì thế, mọi hoạt động ở căn cứ địa có ảnh hưởng sâu sắc đến diễn biến cục diện chiến trường toàn miền.

4.2.4. Quá trình phát triển kinh tế trong vùng giải phóng, chủ yếu đặt dưới sự chỉ đạo của các ủy Đảng như huyện ủy, tỉnh ủy, khu ủy và cao nhất là Trung ương Cục miền Nam

Hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng là một hoạt động được Đảng, chính quyền cách mạng quan tâm đẩy mạnh phát triển. Mặc dù trong hoàn cảnh ác liệt của chiến tranh, liên tục bị bao vây, phá hoại, nhưng hoạt động kinh tế đã làm cho các vùng giải phóng trở thành hậu phương tại chỗ, những đóng góp to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

4.2.5. Sự chỉ đạo xuyên suốt của Trung ương Cục miền Nam Việt Nam là quyết định nhất nhưng không thể thiếu vai trò trực tiếp của Ban Kinh - Tài từ đó phát huy tinh thần tự lực cánh sinh ra sức phát triển sản xuất tại chỗ làm cơ sở cho tiếp nhận sự chi viện từ hậu phương.

Hoạt động sản xuất kinh tế nông nghiệp, công thương nghiệp, đảm bảo các nguồn thu đảm phụ, các nguồn thu khác... dưới sự chỉ đạo Đảng. Để đảm bảo kinh tế các vùng giải phóng và các vùng căn cứ địa hình thành. Đầu tiên quan trọng là sự tiếp nhận nhân lực vật lực đầu là sự chi viện của miền Bắc, sau đó là đóng góp của nhân dân dưới các hình thức khác nhau như lạc quyên, thu các loại đảm phụ, nhập khẩu và thu mua tại chỗ, giúp đỡ của các nhà hảo tâm, sự giúp đỡ của quốc tế, ngoài ra còn có bình phong kinh doanh hợp pháp, cùng với phần thu từ chiến lợi phẩm, các vật dụng quân tư trang, nhưng phần thu này không có nhiều.

4.2.6. Phát huy vai trò của nhân dân để phát triển kinh tế trong vùng giải phóng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” nền tảng lấy dân làm gốc này là điều mà qua bao cuộc chiến tranh nhân dân ta đã áp dụng qua thực tiễn đấu tranh. Với tinh thần trên, trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ nhân dân các tỉnh tại vùng giải phóng luôn xem sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Chính vì vậy, việc giáo dục quần chúng nhân dân đề cao tinh thần cảnh giác, tuyên truyền làm cho quần chúng thấy rõ âm mưu quỷ quyệt của địch, động viên nhân dân tự lực, tự cường vượt qua mọi khó khăn, tin theo Đảng,

tin theo Bác Hồ là cốt lõi của nội dung công tác tập hợp quần chúng nhân dân đứng lên kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

4.3. Bài học rút ra từ thực tiễn hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng Nam Bộ (1960 - 1975)

4.3.1. Chú trọng xây dựng phát triển cơ sở nền tảng kinh tế vùng giải phóng là kinh tế nông nghiệp

4.3.2. Hoạt động sản xuất kinh tế góp phần làm cho văn hóa, xã hội vùng giải phóng ổn định và phát triển phục vụ công cuộc kháng chiến

4.3.3. Hoạt động kinh tế góp phần mở rộng các căn cứ địa cách mạng phục vụ công cuộc chống Mỹ

Vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ là địa bàn chiến lược tại miền Nam. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Với quy định hiệp định Giơnevơ, các lực lượng của ta phải tập kết ra Bắc; các lực lượng còn lại theo chỉ thị của Xứ ủy Nam Bộ trụ lại ở các địa phương Nam Bộ. Giai đoạn này đang có xung đột phe phái Hòa Hảo, Cao Đài và Bình Xuyên và lực lượng vũ trang, các cán bộ chiến sĩ cách mạng đang bị quân Việt Nam Cộng hòa truy lùng ráo riết bằng các chiến dịch lớn khiến cho lực lượng cách mạng mặc dù đã trụ lại, nhưng luôn bị tổn thất nghiêm trọng, các căn cứ địa không ổn định và luôn bị địch chia cắt bằng kế hoạch dinh điền, khu trừ mật. Để tồn tại và có thể trụ vững được trên vùng đất Nam Bộ, các lực lượng vũ trang còn trụ lại ở Nam Bộ đã tổ chức tái lập lại căn cứ địa cho địa phương.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hậu phương tại chỗ của cách mạng miền Nam là một trong những nhân tố cơ bản để xây dựng và tăng cường tiềm lực đạt kết quả rõ rệt, to lớn. Ngược lại, nếu nơi nào, lúc nào, việc chỉ đạo xây dựng và bảo vệ hậu phương tại chỗ bị buông lỏng, để cho đối phương lấn đất, giành dân, thu hẹp hậu phương tại chỗ thì nơi đó, lúc đó, lực lượng cách mạng sẽ bị tổn thất, thế trận chiến tranh nhân dân bị sa sút, cách mạng miền Nam bị uy hiếp nặng nề. Đây là một trong những bài học luôn và mãi còn giá trị khi chúng ta tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nếu xảy ra trong tương lai.

4.4.4 Góp ý một số giải pháp phát triển, duy trì và thu hút khách du lịch đến với các khu di tích lịch sử tại Nam Bộ

Từ quá trình nghiên cứu, đi quan sát các chứng tích lịch sử Nam Bộ miền Nam Việt Nam, một số các khu di tích được tôn tạo và phát triển du lịch nhưng một số nơi chưa được quan tâm và tôn tạo, lượng khách du lịch trong nước cũng không có nhiều, các địa phương và chính sách của đất nước chưa thật sự chú trọng đến phát triển du lịch bản địa và phát huy thế mạnh du lịch trong nước... sau quá trình tập trung nghiên cứu dựng lại bức tranh hoạt động kinh tế trong vùng giải phóng Nam Bộ. Chúng tôi có đưa ra các giải pháp về việc giữ gìn phát triển các khu di tích lịch sử trong các vùng giải phóng như khu di tích lịch sử Trung ương Cục miền Nam hay các khu di tích tại các căn cứ, các chiến khu và một số các công trình khu di tích liên quan đến các hoạt động kinh tế vùng giải phóng như khu bảo tồn cây cao su, các công trình lịch sử liên quan đến cây cao su loại cây trồng đặc biệt có liên quan đến sự phát triển và lớn mạnh của phong trào công nhân miền Nam. Các khu di tích lịch sử tại các địa phương cần được chăm lo và tôn tạo, bảo vệ hơn nữa để phát huy cho ngành du lịch sinh thái địa phương, du lịch theo địa chỉ đỏ để người dân

và các tổ chức ban ngành, học sinh, sinh viên có cơ hội tham quan học tập, đi thực tế và tri ân các anh hùng đã hy sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

Lương Tuyết Mai (2016), *Hoạt động Kinh tế trong vùng giải phóng một số tỉnh khu vực miền Đông Nam Bộ (1954 -1975)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Đà Lạt.

Lương Tuyết Mai (2023), *Kinh tế nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 1954 - 1975*, Tạp chí khoa học và công nghệ - Trường Đại học Bình Dương - Quyển 6, số 3/2023. Tr, 53 - 62.

Lương Tuyết Mai (2024), *Chuyển biến về ruộng đất tại Nam Bộ trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Số đặc biệt -Tạp chí giáo dục và xã hội, ISSN:1859-3917 tr.5 - 10.

Lương Tuyết Mai (2024), *Lịch sử hình thành Căn cứ Dương Minh Châu tại Tây Ninh trong kháng chiến cứu nước*, Số đặc biệt, Tạp chí giáo dục khoa học và xã hội, ISSN:1859-3917, tr.17 - 21.